

24. Xã Kon Đào

Đvt: Nghìn đồng/m²

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
I	Khu vực 1				
1	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ nhà ông Vũ Văn Nam (thôn 7) đến đường vào trại sản xuất Sư 10	1	500	200	150
2	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cây Độc lập đến nhà ông Vũ Văn Nam (thôn 7)	2	450	180	135
3	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ Cây xăng ông Võ Ngọc Thanh đến cây Độc lập	4	350	140	105
4	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ đường vào trại sản xuất Sư 10 đến Ngã ba Ngọc Tụ	4	350	140	105
5	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cầu 10 tấn đến Cây xăng ông Võ Ngọc Thanh	5	300	120	90
6	Đất mặt tiền đường ĐH 51 đoạn từ Ngã ba quốc lộ 40B đến nhà Nguyên liệu giấy	7	260	104	78
7	Đất mặt tiền đường ĐH 51 đoạn từ nhà Nguyên liệu giấy đến Cổng suối đá	7	260	104	78
II	Khu vực 2				
1	Đất mặt tiền đường vào xóm tri Lễ (đoạn từ đường Quốc lộ 40B - cổng chào thôn 6, vòng qua đường bê tông đầu nối quốc lộ 40B - đối diện Đảng ủy xã Kon Đào)	1	210	84	63
2	Đất mặt tiền đường đi cầu bà Thanh (đoạn từ Quốc lộ 40B - Đến cầu bê tông)	1	210	84	63
3	Đất mặt tiền đường nội thôn 6 và thôn 7	2	200	80	60
4	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cầu Văn Lem đến Cổng Tea Ro (hết đất ông Tặng)	3	180	72	54
5	Đất mặt tiền đường từ ngã ba đi suối nước nóng đến suối nước nóng	4	170	68	51
6	Đất mặt tiền đường ĐH 51 đoạn từ cổng suối đá đến ngã ba đi suối nước nóng	5	160	64	48
7	Đất mặt tiền đường tỉnh lộ 678 đoạn từ ba Đăk Trăm (QL 40B) đến ngã tư cuối trường Tiểu học (Phân trường 3)	6	150	60	45
8	Đất mặt tiền đường nội thôn 1, thôn 2 và thôn 3	6	150	60	45
III	Khu vực 3				
1	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cổng thôn Tê Pheo đến cầu Văn Lem	1	120	48	36
2	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cầu Đăk Rô Gia đến cổng thôn Tê Pheo	2	110	44	33
3	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cổng Tea Ro đến cầu Đăk Mông	2	110	44	33
4	Đất mặt tiền đường ĐH 51 đoạn từ ngã ba đi suối nước nóng đến giáp đường vào khu du lịch thác Đăk Sing	3	100	40	30
5	Đất mặt tiền đường tỉnh lộ 678 đoạn từ ngã tư cuối trường Tiểu học (Phân trường 3) đến cầu Bê tông (Cầu Đăk Tờ Kan)	4	90	36	27

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ nghĩa địa thôn Đăk Đring đến cầu Đăk Rô Gia	5	80	32	24
7	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ ngã ba Ngọc Tụ đến nghĩa địa thôn Đăk Đring	6	70	28	21
8	Đất mặt tiền đường ĐH 51 đoạn từ đường vào khu du lịch thác Đăk Sing đến hết thôn Măng Rương (trạm cân ông Chí), giáp với Quốc lộ 40B (tại thôn Đăk Mông)	6	70	28	21
9	Đất mặt tiền đường nội thôn Đăk Trăm và thôn Tê Pên 1	6	70	28	21
10	Đất mặt tiền đường Quốc lộ 40B đoạn từ cầu Đăk Mông đến Dốc Măng Rơi (hết địa giới xã Kon Đào)	7	60	24	18
11	Đất mặt tiền đoạn từ ngã ba giáp đường Quốc lộ 40B đến hết thôn Đăk Rô (nhà ông Đạo)	7	60	24	18
12	Đất mặt tiền đường nội thôn Măng Rương, thôn Đăk Xanh, thôn Tê Pên 2, thôn Đăk Sing và thôn Tê Rông	7	60	24	18
13	Đất mặt tiền đường nội thôn Kon Đào và thôn Đăk Lung	8	50	20	15
14	Đất mặt tiền đoạn từ ngã ba giáp đường Quốc lộ 40B đến nhà thờ Tea Rơ Xá (thôn Đăk Rô Gia)	8	50	20	15
15	Đất mặt tiền đoạn từ nhà rông thôn Đăk Đring đến nhà ông A Náo	8	50	20	15
16	Đất mặt tiền đường nội thôn Đăk Đring, thôn Đăk Rô Gia, thôn Tê Pheo, Đăk Mông và thôn Đăk Rô	8	50	20	15
17	Các vị trí đất khác còn lại	8	50	20	15
IV	Khu vực 4 (không có)				
V	Khu vực 5 (không có)				
VI	Khu vực 6 (không có)				